

Số : 08 /2024/NTW-CBTT

Nhơn Trạch, Ngày 22 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 08/2024

- Tổng số mẫu xét nghiệm
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn
- Các chỉ tiêu không đạt

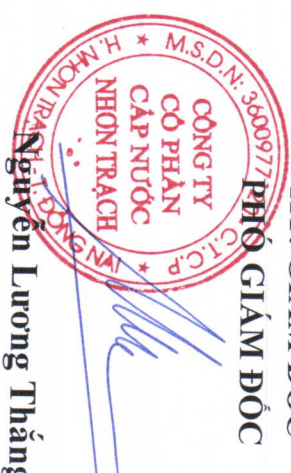
: 04 mẫu
: 04 mẫu
: 08 chỉ tiêu
: 08 chỉ tiêu
: 0

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	Thông số nhóm A (mẫu)	Kết quả thông số nhóm A		Các chỉ tiêu không đạt
			Đạt	Không đạt	
KCN Nhơn Trạch	Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch	01	100%	/	0
Tại Trạm Đại Phước (Đầu nguồn)		01	100%	/	0
Tại KV Tái định Cư Đại Lộc (Giữa nguồn)		01	100%	/	0
Tại Khu vực ấp Cát Lái (Cuối nguồn)		01	100%	/	0

- Kết luận: Chất lượng nước tại trạm bơm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Trân trọng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1566 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01566.24

Trang : 1/2



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước sinh hoạt
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 06/08/2024
Ngày trả kết quả : 16/08/2024
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 15 - Ngã tư Tín nghĩa - KCN Nhơn Trạch
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trọng chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

(Signature)

Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2024

KI. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Quang



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01566.24

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	06/08/2024
2	<i>Coliform tổng số</i> *	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	06/08/2024
3	Clo dư tự do	Chlorine test	0,29 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	06/08/2024
4	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2 NTU	06/08/2024
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	07/08/2024
6	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/08/2024
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,75	6,0 - 8,5	06/08/2024
8	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00039 mg/l	≤ 0,01mg/l	09/08/2024

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

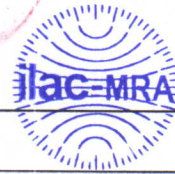
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1567 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 01567.24

Trang : 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 06/08/2024
Ngày trả kết quả : 16/08/2024
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 2 - xã Phú Hữu
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trọng chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2024

K. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Quang



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01567.24	Trang : 2/2
---------------------	-------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	06/08/2024
2	<i>Coliform tổng số</i> *	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	06/08/2024
3	Clo dư tự do	Chlorine test	0,48 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	06/08/2024
4	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2 NTU	06/08/2024
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	07/08/2024
6	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/08/2024
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,75	6,0 - 8,5	06/08/2024
8	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00121 mg/l	≤ 0,01mg/l	09/08/2024

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1567 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 01568.24

Trang : 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 06/08/2024
Ngày trả kết quả : 16/08/2024
Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 4 - KTĐC Đại Lộc
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trọng chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2024

K. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Quang



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01568.24

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	06/08/2024
2	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	06/08/2024
3	Clo dư tự do	Chlorine test	0,46 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	06/08/2024
4	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2 NTU	06/08/2024
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	07/08/2024
6	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/08/2024
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,77	6,0 - 8,5	06/08/2024
8	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00128 mg/l	≤ 0,01mg/l	09/08/2024

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1569 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 01569.24

Trang: 1/2

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước sinh hoạt
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 06/08/2024
Ngày trả kết quả : 16/08/2024
Địa điểm lấy mẫu : Trạm bơm Đại Phước
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trọng chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2024

K. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Quang



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01569.24

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	06/08/2024
2	<i>Coliform tổng số</i> *	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	06/08/2024
3	Clo dư tự do	Chlorine test	0,32 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	06/08/2024
4	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	Không phát hiện	≤ 2 NTU	06/08/2024
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	07/08/2024
6	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	06/08/2024
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,79	6,0 - 8,5	06/08/2024
8	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00150 mg/l	≤ 0,01mg/l	09/08/2024

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/8
Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282
Mã KQ/ RP. No: 001051279.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 01/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC LỌC TRẠM ĐẠI PHƯỚC (ĐẦU NGUỒN)**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	0.290	mg/L	-	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
4	Antimon (Sb) (*)/ Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.02
5	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.239	mg/L	-	TS-KT-QP-51:2022	0.7
6	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
7	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
8	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	0.01	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
9	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.35	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
10	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	282	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
11	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 001051279.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Vết/Trace 0.012 (< LOQ = 0.020)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
13	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	150	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
14	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.817	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
15	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
16	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	0.059	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
17	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	192	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
18	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.190	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
19	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
20	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	5.51	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
21	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
22	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.022	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
23	Selen (Se) (*)/ Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	11.3	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 001051279.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
25	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
26	Thuỷ ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
27	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	616	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
28	Cyanua (CN ⁻) / Cyanide (CN ⁻)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
29	1,1,1-Trichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
30	1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30
31	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
32	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2
33	Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
34	Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
35	Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
36	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Lê Trọng Tân New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 001051279.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
37	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
38	Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
39	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
40	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
41	Toluene (*)	2.68	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
42	Xylene (tổng các đồng phân) (*)/ Xylene (sum of isomer) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
43	1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
44	Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
45	Trichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
46	Acrylamide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
47	Epichlorohydrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 5/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 001051279.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
48	Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.03	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
49	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
50	1,2-Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
51	1,3-Dichloropropene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
52	2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	30
53	2,4-DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	90
54	Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
55	Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
56	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
57	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
58	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
59	Chlordane (tổng đồng phân cis- và trans-) (*)/ Chlordane (sum of cis- and trans- isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	0.2
60	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 6/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 001051279.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
61	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
62	DDT (tổng p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)/ DDT (sum p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
63	Dichlorprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-109:2022	100
64	Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
65	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
66	Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
67	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
68	Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	10
69	Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
70	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	6
71	Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
72	Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
73	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
74	Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
75	Trifluralin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 7/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 001051279.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
76	2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
77	Bromate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
78	Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
79	Bromoform (*)	1.32	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
80	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
81	Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
82	Dibromochloromethane (*)	Vết/ Trace 0.510 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
83	Dichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
84	Dichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	50
85	Formaldehyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152:2022	900
86	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3
87	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
88	Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	200

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 8/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 001051279.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
89	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	
90	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	
91	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Mẫu có chỉ tiêu Nitrat (NO_3^- tính theo N), nằm ngoài QCVN 01-1:2018/BYT. Các chỉ tiêu còn lại phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

HUYỀN TẤN CƯỜNG



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/8
Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282
Mã KQ/ RP. No: 002051280.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 01/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC LỌC TẢI ĐỊNH CỤ ĐẠI LỘC (GIỮA NGUỒN)**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	0.291	mg/L	-	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
4	Antimon (Sb) (*)/ Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.02
5	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.212	mg/L	-	TS-KT-QP-51:2022	0.7
6	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
7	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
8	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	0.01	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
9	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.16	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
10	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	284	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
11	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 002051280.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Vết/Trace 0.012 (< LOQ = 0.020)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
13	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	120	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
14	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
15	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
16	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	0.058	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
17	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	192	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
18	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.196	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
19	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
20	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	5.37	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
21	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
22	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Vết/Trace 0.019 (< LOQ = 0.020)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
23	Selen (Se) (*)/ Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	11.4	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 002051280.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
25	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
26	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
27	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	610	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
28	Cyanua (CN ⁻) / Cyanide (CN ⁻)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
29	1,1,1-Trichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
30	1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30
31	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
32	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2
33	Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
34	Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
35	Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
36	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 002051280.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
37	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
38	Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
39	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
40	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
41	Toluene (*)	2.44	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
42	Xylene (tổng các đồng phân) (*)/ Xylene (sum of isomer) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
43	1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
44	Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
45	Trichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
46	Acrylamide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
47	Epichlorohydrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 5/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 002051280.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
48	Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.03	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
49	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
50	1,2-Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
51	1,3-Dichloropropene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
52	2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	30
53	2,4-DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	90
54	Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
55	Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
56	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
57	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
58	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
59	Chlordane (tổng đồng phân cis- và trans-) (*)/ Chlordane (sum of cis- and trans- isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	0.2
60	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 6/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 002051280.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
61	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
62	DDT (tổng p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)/ DDT (sum p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
63	Dichlorprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-109:2022	100
64	Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
65	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
66	Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
67	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
68	Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	10
69	Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
70	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	6
71	Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
72	Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
73	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
74	Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
75	Trifluralin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 7/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 002051280.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
76	2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
77	Bromate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
78	Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
79	Bromoform (*)	1.19	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
80	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
81	Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
82	Dibromochloromethane (*)	Vết/ Trace 0.509 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
83	Dichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
84	Dichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	50
85	Formaldehyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152:2022	900
86	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3
87	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
88	Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	200

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 8/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 002051280.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
89	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
90	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
91	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Mẫu có chỉ tiêu Nitrat (NO₃⁻ tính theo N) nằm ngoài QCVN 01-1:2018/BYT. Các chỉ tiêu còn lại phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN



HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/8
Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282
Mã KQ/ RP. No: 003051281.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 01/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC LỌC BƯƠ ĐIỆN PHÚ HỮU (CUỐI NGUỒN)**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	0.292	mg/L	-	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
4	Antimon (Sb) (*)/ Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.02
5	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.255	mg/L	-	TS-KT-QP-51:2022	0.7
6	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
7	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
8	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	0.009	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
9	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.29	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
10	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	277	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
11	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử: nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 003051281.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Vết/Trace 0.012 (< LOQ = 0.020)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
13	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	123	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
14	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
15	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
16	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	0.058	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
17	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	186	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
18	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.181	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
19	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
20	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	5.35	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
21	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
22	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.020	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
23	Selen (Se) (*)/ Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	10.9	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 003051281.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
25	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
26	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
27	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	604	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
28	Cyanua (CN ⁻) / Cyanide (CN ⁻)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
29	1,1,1-Trichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
30	1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30
31	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
32	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2
33	Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
34	Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
35	Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
36	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 003051281.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
37	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
38	Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
39	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
40	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
41	Toluene (*)	1.04	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
42	Xylene (tổng các đồng phân) (*)/ Xylene (sum of isomer) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
43	1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
44	Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
45	Trichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
46	Acrylamide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
47	Epichlorohydrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 5/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 003051281.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
48	Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.03	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
49	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
50	1,2-Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
51	1,3-Dichloropropene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
52	2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	30
53	2,4-DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	90
54	Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
55	Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
56	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*)/ Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
57	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
58	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
59	Chlordane (tổng đồng phân cis- và trans-) (*)/ Chlordane (sum of cis- and trans- isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	0.2
60	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 6/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 003051281.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
61	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
62	DDT (tổng p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)/ DDT (sum p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
63	Dichlorprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-109:2022	100
64	Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
65	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
66	Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
67	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
68	Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	10
69	Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
70	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	6
71	Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
72	Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
73	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
74	Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
75	Trifluralin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 7/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 003051281.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
76	2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
77	Bromate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
78	Bromodichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
79	Bromoform (*)	1.27	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
80	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
81	Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
82	Dibromochloromethane (*)	Vết/ Trace 0.517 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
83	Dichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
84	Dichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	50
85	Formaldehyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152:2022	900
86	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3
87	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
88	Trichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	200

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang/ Page No: 8/8

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 003051281.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
89	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
90	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
91	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Mẫu có chỉ tiêu Nitrat (NO₃⁻ tính theo N) nằm ngoài QCVN 01-1:2018/BYT. Các chỉ tiêu còn lại phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN



HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 004051282.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 01/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC THÔ TRẠM ĐẠI PHƯỚC**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 09:2023/ BTNMT
1	pH (*)/ pH value (*)	4.05	-	-	TCVN 6492:2011	5.8 - 8.5
2	Coliform (*)	0	MPN/100mL	-	TS-KT-VS-03:2018 (Ref. TCVN 6187-2:1996)	3
3	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	4.09	mg/L	-	SMEWW 4500 (NO ₃ ⁻) E:2023	15
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₄ ⁺ as N) (*)	0.229	mg/L	-	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	1
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.09	mg/L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	4
6	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	355	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1500
7	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	74.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	500
8	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.05
9	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	224	mg/L	-	SMEWW 4500 (Cl ⁻) B:2023	250
10	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	1
11	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.152	mg/L	-	SMEWW 4500 (F ⁻) D:2023	1
12	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	Vết/ Trace 2.59 (< LOQ = 3.00)	mg/L	1	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2023	400

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 004051282.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 09:2023/ BTNMT
13	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.005
14	Cyanua (CN ⁻)/ Cyanide (CN ⁻)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.01
15	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
16	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	0.006	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
17	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
18	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Vết/ Trace 0.009 (< LOQ = 0.020)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
19	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	3
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.02
21	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	0.082	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.5
22	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	5
23	Selen (Se) (*)/ Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
24	Aldrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0001	TS-KT-SK-15:2020	0.0001
25	Gamma- HCH (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.000007	TS-KT-SK-15:2020	0.00002
26	Dieldrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0001	TS-KT-SK-15:2020	0.0001

2.12/ TRU
EM
T
CHI
ONG
KHC
T
NH-

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 004051282.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 09:2023/ BTNMT
27	DDT (tổng p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)/ DDT (sum p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE; p,p'-TDE) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0001	TS-KT-SK-15:2020	0.001
28	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0001	TS-KT-SK-15:2020	0.001
29	Diazinone (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0001	TS-KT-SK-15:2020	0.02
30	Parathion (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0001	TS-KT-SK-15:2020	0.06
31	Phenol và dẫn xuất phenol/ Phenol and its derivatives	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.00033	TS-KT-SK-113:2020	0.001
32	Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.00033	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.03
33	Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.00033	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.01
34	1,1,1-Trichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.00033	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.15
35	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.00033	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.015
36	Toluene (*)	Vết/ Trace 0.900 (< LOQ = 1)	mg/L	0.00033	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
37	Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.00033	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.45
38	Xylene (tổng các đồng phân) (*)/ Xylene (sum of isomer) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.00033	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.75
39	Hoạt độ phóng xạ alpha/ Gross α-radioactivity	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 004051282.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 09:2023/ BTNMT
40	Hoạt độ phóng xạ beta/ Gross β -radioactivity	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1
41	<i>Escherichia coli</i>	0	MPN/100mL	-	SMEWW 9221 B:2023	Không phát hiện

Chú thích/ Remarks:

Mẫu có chỉ tiêu pH nằm ngoài QCVN 09:2023/BTNMT. Các chỉ tiêu còn lại phù hợp theo QCVN 09:2023/BTNMT.

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 005051283.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 209 (GP209/41)
G1-GP 209/41
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	4.13	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl-) (*)/ Chloride (Cl-) (*)	11.6	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.19	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.29	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	10.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	5.41	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 005051283.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

HUYỄN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 006051284.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 209 (GP209/41)
G2-GP 209/41
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.87	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	14.8	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	9.96	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.22	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	20.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.077	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 006051284.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	5-001-C.T.T.N.H. KHÔNG CÓ MÙI, VỊ LẠ KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 007051285.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 209 (GP209/41)
G3-GP 209/41
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	1.0x10 ¹	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	4.36	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	1.93	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	10.3	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.03	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	14.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	1.51	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.084	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 007051285.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 008051286.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 209 (GP209/41)
G4-GP 209/41
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.69	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	38.7	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	13.6	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.09	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	170	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	30.2	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.023	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 008051286.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



NGUYỄN TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 009051287.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 38 (GP38)
G1-GP 38
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.82	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl-) (*)/ Chloride (Cl-) (*)	188	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	2.60	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.29	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	66.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	18.4	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.243	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mā KQ/ RP. No: 009051287.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ *Remarks:*

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

HUỶNH TẤN CƯỜNG

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 010051288.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 38 (GP38)
G2-GP 38
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :



STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	4.11	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	5.85	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.19	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.22	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	7.00	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	4.47	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 010051288.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 011051289.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 38 (GP38)
G3-GP 38
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.70	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl-) (*)/ Chloride (Cl-) (*)	767	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	27.6	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.35	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	168	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	13.6	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.273	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 011051289.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



NGUYỄN VĂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 012051290.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G1-GP 37
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.69	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	1057	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	1.38	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.29	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	184	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	6.66	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.155	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 012051290.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 013051291.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : MẪU NƯỚC
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G2-GP 37
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.69	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	52.0	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.37	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.35	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	200	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.329	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.152	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 013051291.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 014051292.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : MẪU NƯỚC
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G3-GP 37
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.87	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl-) (*)/ Chloride (Cl-) (*)	925	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.14	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.41	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	240	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	4.76	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: http://tsl-net.com.vn

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 014051292.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ.

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 015051293.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : MẪU NƯỚC
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G4-GP 37
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.72	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	2417	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.44	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.48	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	498	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.118	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 015051293.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 016051294.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G5-GP 37
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.73	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl-) (*)/ Chloride (Cl-) (*)	2412	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.48	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.29	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	350	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.121	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 016051294.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

HUYỀN TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 017051295.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G6-GP 37
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	4.24	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl-) (*)/ Chloride (Cl-) (*)	613	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	43.5	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.35	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	134	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	2.00	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Vết/ Trace 0.010 (< LOQ = 0.020)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 017051295.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 018051296.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G7-GP 37
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.60	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	1028	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.59	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.22	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	146	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.859	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Vết/ Trace 0.013 (< LOQ = 0.020)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 018051296.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 019051297.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G8-GP 37
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.63	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	1231	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.62	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.29	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	210	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.257	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 019051297.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEVW/2150:2023, SMEVW/2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 020051298.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : MẪU NƯỚC
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G9-GP 37
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.98	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl-) (*)/ Chloride (Cl-) (*)	119	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.17	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.22	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	30.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	6.29	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 020051298.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

HUYNH TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 021051299.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/07/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 27/07/2024 - 30/07/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **MẪU NƯỚC**
GIẤY PHÉP 37 (GP37)
G10-GP 37
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	pH (*)/ pH value (*)	3.97	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
4	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	119	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
5	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
6	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.17	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.35	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	40.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	6.32	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
11	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216H0282

Mã KQ/ RP. No: 021051299.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04